

NHẬN THỨC VẤN ĐỀ TÔN GIÁO Ở NƯỚC TA GIỮA THẾ KỈ XX: TRƯỜNG HỢP *Nguyễn Văn Nguyễn*

ĐỖ QUANG HUNG^{*}

I. NGUYỄN VĂN NGUYỄN VÀ TÁC PHẨM *THÁI ĐỘ CỦA CHÚNG TA ĐỐI VỚI TÔN GIÁO*

Nguyễn Văn Nguyễn (1910-1953), nhà hoạt động chính trị, nhà báo, nhà văn hóa “một sản phẩm của trí thức Nam Bộ” (Trần Bạch Đằng), sinh ra trong một gia đình trí thức yêu nước tại xã Diên Hòa, huyện Châu Thành, Mỹ Tho nay là quận Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

Từ đầu thập kỉ 30 thế kỉ XX, Nguyễn Văn Nguyễn không chỉ là một nhân vật chính trị nổi tiếng trong phong trào cộng sản ở Sài Gòn bên cạnh Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Văn Tạo, Dương Bạch Mai cũng như các nhân vật trí thức khuynh tả nổi tiếng khác như Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu và nhóm báo *Tranh đấu* (La Lutte), mà còn là một nhân vật có nhiều đóng góp quan trọng trong lĩnh vực tư tưởng văn hóa của Xứ ủy Nam Kỳ lúc đó.

Cuộc đời hoạt động ngắn ngủi của ông gắn liền với những trọng trách trong Xứ ủy Nam Kỳ, trực tiếp phụ trách các tờ báo nổi tiếng của Đảng ở khu vực Sài Gòn lúc đó như *Tiến lên* (L'Avant-Garde), *Dân chúng* (Le Peuple), *Cứu quốc Nam Bộ*, *Tạp chí Nghiên cứu*, *Nhân dân Miền Nam*, v.v... Đặc biệt ông cũng là người sáng lập

và lãnh đạo Đài phát thanh *Tiếng nói Nam Bộ*, sau đổi là *Đài tiếng nói Miền Nam*, v.v...

Văn phẩm của Nguyễn Văn Nguyễn khá nổi tiếng, sau này được sưu tập và được xuất bản trong những năm gần đây như *Tháng tám trời mạnh thu* (in năm 2002), *Nguyễn Văn Nguyễn, nhà hoạt động chính trị, nhà báo, nhà văn hóa* (2006).

Trong khi nghiên cứu về ông, chúng tôi hết sức bất ngờ tìm thấy trong *Tạp chí Nghiên cứu*, cơ quan ngôn luận của Xứ ủy Nam Bộ, số 4 tháng 7/1952 đăng tải trọn vẹn một tác phẩm đặc biệt của ông về vấn đề tôn giáo đó là cuốn *Thái độ của chúng ta đối với tôn giáo*⁽¹⁾.

Chúng ta cũng biết rằng mặc dù vấn đề tôn giáo là quan trọng trong các cuộc kháng chiến và trong cách mạng nói chung nhưng những tác phẩm chuyên biệt về vấn đề tôn giáo của các tác giả mácxít ở nước ta là không nhiều. Chúng tôi đã có dịp đề cập đến một số tác phẩm

*. GS. TS, Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Tác phẩm này của Nguyễn Văn Nguyễn, đã được đưa vào cuốn sách sưu tập tác phẩm khá công phu với nhan đề *Nguyễn Văn Nguyễn, nhà hoạt động chính trị, nhà báo, nhà văn hóa*, trên 500 trang, do Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh ấn hành năm 2006. Để thuận tiện, từ đây chúng tôi căn cứ theo cuốn sách này để phân tích tác phẩm nói trên.

hiếm hoi như thế, ngoài của tác giả Nguyễn Ái Quốc là của Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh và của các tác giả có cảm tình với chủ nghĩa Mác như Nguyễn An Ninh, Đào Duy Anh, Nguyễn Tử Thúc. Riêng với tác phẩm này của Nguyễn Văn Nguyễn, mặc dù ra đời muộn hơn các tác phẩm của các tác giả kể trên nhưng nó lại có những giá trị khá độc đáo về nội dung và ý nghĩa thực tiễn, mặc dù đây chỉ là *một cuốn sách nhỏ* (brossure), dạng sách tuyên truyền mà các nhà cách mạng Việt Nam trước và sau Cách mạng Tháng Tám rất hay sử dụng.

II. NỘI DUNG TÁC PHẨM THÁI ĐỘ CỦA CHÚNG TA ĐỐI VỚI TÔN GIÁO

Chúng ta cũng biết rằng ở thập kỉ 40-50 thế kỉ XX vấn đề tôn giáo trở thành vấn đề chính trị xung đột gay gắt trong cục diện Chiến tranh lạnh. ở nước ta, đây cũng là lúc các thế lực đế quốc đã lôi kéo nhiều tôn giáo vào những mục đích chính trị phản dân tộc, chống đối cách mạng quyết liệt. Thời điểm ra đời tác phẩm này (1952) cũng là lúc *Thư chung 1950* của Giáo hội Công giáo Việt Nam dưới thời Khâm sứ J. Dooley, lôi cuốn một bộ phận quan trọng cộng đồng Công giáo ở nước ta vào cuộc chiến chống cộng sản. Ở Nam Kỳ các thế lực thực dân đế quốc, ngoài việc lợi dụng Công giáo cũng đã lôi cuốn bộ phận quan trọng của chức sắc, tín đồ đạo Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo vào cuộc chiến, gây nên biết bao khó khăn cho kháng chiến và cách mạng.

Tác phẩm *Thái độ của chúng ta đối với tôn giáo* xuất hiện rất đúng lúc và nó nhanh chóng góp thêm những tiếng nói chính nghĩa của Đảng và Chính phủ ta trong việc giải quyết “vấn đề tôn giáo”.

Tác phẩm này đã đề cập đến nhiều vấn đề thiết yếu để đáp ứng nhu cầu về công tác lí luận và thực tiễn trong vấn đề tôn giáo. Dưới đây là những nội dung chủ yếu của tác phẩm:

1. Trước hết tác phẩm đề cập đến vấn đề có tính “tiên quyết”, đó là việc tố cáo “thực dân Pháp - Mỹ trong vấn đề tự do tín ngưỡng”.

Cũng là tố cáo các thế lực thực dân lợi dụng vấn đề tôn giáo nhưng lập luận của Nguyễn Văn Nguyễn ngay từ đầu đã có sức cuốn hút riêng về lí luận. Ông có nhận xét đúng rằng, từ cuối thập kỉ 40, đầu thập kỉ 50 thế kỉ XX, vấn đề tôn giáo ở Nam Bộ ngày càng trở nên gay gắt hơn, do chỗ nó gắn liền với những đặc điểm chính trị của Nam Bộ. Ông viết: “Mơ mộng của thực dân đế quốc Pháp - Mỹ là lợi dụng được sự hiềm khích giữa lương và giáo, giữa đạo này đạo kia để bắt người đi lính và cướp của nuôi chiến tranh xâm lược. Chúng tuyên truyền ngu ngốc rằng chủ nghĩa Mác-Lênin là chủ nghĩa tam vô: vô gia đình, vô tôn giáo, vô Tổ quốc. Thật sự chính bọn thực dân đế quốc Pháp, Mỹ và bọn bù nhìn của chúng kiểu Bảo Đại, Trần Văn Hữu mới là bọn không kể gia đình, tổ tiên, không kể đến tôn giáo, để bán nước, cướp nước”⁽²⁾.

Cũng giống như ngòi bút sắc sảo của Trường Chinh trên báo *Sự thật*, trong loạt bài nổi tiếng *Cộng sản và Công giáo*, ngòi bút của Nguyễn Văn Nguyễn đã

2. Xem *Tạp chí Nghiên cứu*, số 4, tháng 7/1952 hoặc Nguyễn Văn Nguyễn, nhà hoạt động chính trị, nhà báo, nhà văn hóa, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2006, trang 245. Lưu ý rằng từ đầu 1950, sau khi “hồi loạn” làm quốc trưởng bù nhìn, Bảo Đại có nhiều hoạt động lợi dụng đạo Công giáo chống kháng chiến. Hồ Chí Minh ở Việt Bắc vào thời điểm đó đã có những bài viết quan trọng vạch mặt Bảo Đại.

vạch trần những thủ đoạn cụ thể của việc lợi dụng tôn giáo vào mục đích chính trị của các thế lực đế quốc hết sức sinh động: “Ngày trước ở nước ta, thực dân Pháp lợi dụng sự tín ngưỡng của đồng bào Công giáo ta đối với Chúa, đưa giòng Thừa Sai (theo nguyên bản-ĐQH), ra nhập bộ máy chính quyền thực dân của chúng, để đàn áp bóc lột nhân dân ta. Đã có lúc thực dân Pháp và đế quốc Mỹ tranh giành nắm giòng Thừa Sai... Đối với mỗi tôn giáo khác, Cao Đài, Hòa Hảo, Phật giáo thì cho lính kín chui vào...”⁽³⁾.

2. Là người có tư duy lí luận, có vốn ngoại ngữ, Nguyễn Văn Nguyễn tỏ ra rất sát với tình hình tôn giáo trong ngoài nước. Tác phẩm *Thái độ của chúng ta đối với tôn giáo* đã thể hiện tính cách lí luận bao quát hiếm có khi tác giả của nó, trong điều kiện khó khăn của cuộc kháng chiến vẫn theo dõi sát những tác phẩm mácxít tiêu biểu về vấn đề tôn giáo, trước hết của Đảng Cộng sản Pháp và Liên Xô. Thật thú vị, trong tác phẩm của mình, Nguyễn Văn Nguyễn đã triệt để sử dụng một số tác phẩm lí luận, kinh điển nổi tiếng lúc đó như cuốn *Nhà thờ và sự thờ cúng ở Liên Xô* của Fédorov (do Nxb. Xã hội nổi tiếng của Pháp dịch), một số tác phẩm chọn lọc của chính Mác, Ăngghen, Lênin, Xtalin... được ông chọn lọc dịch và dẫn giải trong tác phẩm.

Với tầm nhìn lí luận như thế, Nguyễn Văn Nguyễn đã khẳng định sự khác biệt về bản chất trong chính sách tôn giáo của các nước xã hội chủ nghĩa với các chế độ đế quốc thực dân. Thật hiếm có những nhận xét như dưới đây về vai trò của đạo Chính Thống trong nước Nga Sa hoàng của một cây bút mácxít Việt Nam xa xôi: “Dưới thời Nga hoàng không có tự do tín

ngưỡng. “Cơ Đốc giáo chánh tông” là tôn giáo chánh thức, là bộ máy phụ thuộc trong bộ máy chánh quyền quân chủ chuyên chánh. Các chức sắc trong đạo, linh mục, giám mục đều là công chức, ăn lương của chánh phủ, lãnh nhiệm vụ trong nhà thờ để lấy khai sanh, khai tử, hôn thú... Tôn giáo ấy lấy tên “Cơ Đốc giáo chánh tông”. Các tôn giáo khác bị ngược đãi, bị hành hạ”. Đặc biệt, có lẽ ông là người Việt Nam đầu tiên nghiên cứu mô hình nhà nước thế tục vô thần mácxít của Liên Xô trong một nhận xét rất khái quát và tinh tế: “Chương trình Đảng Bôn-sê-vích chung thủy từ ấy đến nay không thay đổi. Chương trình ấy tóm tắt trong ba điểm: tách nhà thờ ra khỏi chánh quyền, thực hiện tự do tín ngưỡng, chống các cuộc hành hạ bức bách các tôn giáo”⁽⁴⁾.

Khi nghiên cứu về Nguyễn An Ninh trong tác phẩm *Tôn giáo* năm 1932, chúng tôi có nhận xét rằng, chính Nguyễn An Ninh là người đầu tiên đã dịch “tóm tắt” luận điểm nổi tiếng bậc nhất về lí luận tôn giáo của Mác trong đó có câu “tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân” ra tiếng Việt⁽⁵⁾.

Thật thú vị khi chúng ta đọc thấy ở đây, Nguyễn Văn Nguyễn có lẽ là người đầu tiên dịch ra tiếng Việt ý kiến của Lênin về tôn giáo trong những đoạn văn sau đây: Lênin viết: “Chánh quyền không nên nhúng tay vào các việc tôn giáo, các tổ chức tôn giáo không nên dính với chính quyền. Mỗi người phải được tuyệt đối tự do thờ cúng đạo nào tùy ý họ, hay là

3. Nguyễn Văn Nguyễn, Sđd., tr. 346.

4. Nguyễn Văn Nguyễn, Sđd., tr. 347.

5. Xem bài của Đỗ Quang Hưng. Nguyễn An Ninh và tôn giáo, Tạp chí *Triết học*, số tháng 11/2003.

không thờ cúng đạo nào hết. Không thể căn cứ vào sự tín ngưỡng tôn giáo để phân loại các công dân. Ngay như trong các công văn, cũng không được phép nêu tôn giáo của người công dân”⁽⁶⁾.

Ông cũng đi sâu nghiên cứu chính sách tôn giáo của Chính phủ Xô Viết. Nhiều văn kiện cơ bản của Chính phủ Xô Viết về chính sách tôn giáo như *Nghị định về tôn giáo* tháng giêng 1918, *Sắc lệnh về vấn đề tôn giáo* của Chính phủ Liên Xô ngày 8/4/1926, v.v... được ông nghiên ngẫm và phân tích. Qua tác phẩm của Fédorov (phải nói là những người cộng sản ở Sài Gòn lúc đó có vẻ “thuận lợi” hơn trong việc tìm kiếm các sách tiếng Pháp quý báu như thế này so với các đồng chí ở Bắc Kỳ), Nguyễn Văn Nguyễn đã có những cứ liệu tiêu biểu và chọn lọc cho thấy bức tranh tích cực của tình hình đời sống tôn giáo ở Liên Xô, với sự hòa đồng, tiến bộ xã hội và bảo vệ hòa bình thế giới.

Điều quan trọng, ông không chỉ “tuyên truyền” cho chính sách tôn giáo của Liên Xô mà còn cố gắng đi sâu vào việc nghiên cứu những vấn đề cơ bản của mô hình nhà nước thế tục Xô Viết nói trên. Ông đặc biệt quan tâm đến vấn đề *tư cách pháp nhân*, công nhận các tổ chức tôn giáo, một vấn đề hết sức mới mẻ trong các nước xã hội chủ nghĩa lúc đó. Nguyễn Văn Nguyễn qua các văn bản pháp lý về tôn giáo nói trên vừa bình luận ý kiến của tác giả Fédorov, vừa bộc lộ cái nhìn riêng của mình trong nỗ lực này của Chính phủ Xô Viết. Ông đã đi sâu vào việc thực hiện *bà nguyên tắc phân tách* trong quan hệ Nhà nước với các Giáo hội đang diễn ra ở Liên Xô với nhiều nét khá độc đáo mà chắc rằng những dòng chữ

dưới đây có tác dụng mạnh mẽ đến nhận thức của các giáo sĩ, chức sắc, trí thức các tôn giáo ở nước ta lúc đó: “Để thỏa mãn nhu cầu tôn giáo, những tín đồ nào đã có sẵn tổ chức tôn giáo, hoặc sẽ tổ chức tôn giáo đều có thể kí giao kèo với chánh quyền Xô Viết địa phương để nhận lãnh nhà của thánh đường, khởi trả tiền nong gì cả... Một đạo luật khác cho phép các tôn giáo cất nhà thờ, chùa miếu, nếu tôn giáo nào yêu cầu, miễn là theo đúng điều kiện kĩ thuật chung về vấn đề cất nhà”⁽⁷⁾.

Ông cũng tranh thủ giới thiệu thêm những kinh nghiệm tốt trong việc ứng xử với các tôn giáo, nhất là “các giáo sĩ cao cấp” ở các nước Đông Âu như Hungari, Tiệp Khắc. Riêng ở Trung Quốc, Nguyễn Văn Nguyễn rất chú trọng đến phong trào, chủ trương *tam tự lập* của Công giáo và Tin Lành, một vấn đề có tính thời sự nổi bật ở Trung Quốc lúc đó. Ông rất lưu ý cái “hạt nhân hợp lí” của chính sách này là ở chỗ hàng giáo phẩm, các giáo sĩ cao cấp của nước ngoài, đúng hơn là của các “Giáo hội mẹ” ở Âu-Mỹ: “không muốn nhân dân Trung Hoa đánh đổ chủ nghĩa đế quốc”.

Có thể nói những suy nghĩ trên đây của Nguyễn Văn Nguyễn là rất mới mẻ, có ý nghĩa thời sự cấp bách trong những suy tư về vấn đề tôn giáo của Đảng và Chính phủ ta lúc đó.

3. Một nội dung khác, có thể coi là mấu chốt và quan trọng nhất của tác phẩm là tác giả phân tích *thái độ của chúng ta đối với các tôn giáo*. Đây là vấn đề quan trọng bậc nhất về lí thuyết và

6. Đoạn văn dịch này được Nguyễn Văn Nguyễn ghi rõ theo Fédorov trong cuốn *Nhà thờ và sự thờ cúng ở Liên Xô*, bản chữ Pháp, Nxb. Xã hội, 1945, tr. 2.

7. Nguyễn Văn Nguyễn, Sđd., tr. 348.

thực tiễn bởi lẽ Đảng ta cho đến lúc đó chưa có nhiều dịp bộc lộ quan điểm của mình một cách sâu sắc và toàn diện.

Để làm việc này, tiếp theo những ý kiến của Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Nguyễn Văn Nguyễn đã trình bày với một mạch logic đầy đủ hơn.

3.1. Trước hết, ông trình bày theo lối ngắn gọn nhất nhưng rất cơ bản các luận điểm chủ yếu của Mác và Ăngghen về tôn giáo:

Thứ nhất, ông nêu lại luận điểm cơ bản của Mác trong tác phẩm *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen* bằng cách dịch lại đoạn quan trọng sau đây: “Sự khổ não trong tôn giáo vừa là biểu hiện sự khổ não thật tế, vừa là sự phản đối khổ não thật tế ấy. ấy là sự rên rỉ của con người khổ sở quá, ấy là tâm hồn của một thế gian không tâm hồn... Phê phán tôn giáo tức là bắt đầu phê phán cái biển trần khổ của tôn giáo xây dựng hương đăng trên đó”⁽⁸⁾.

Người Việt Nam cho đến giữa thế kỉ XX cũng không dễ dàng gì trong việc tiếp nhận những thành tựu nghiên cứu về tôn giáo nhất là xã hội học tôn giáo, trong đó đặc biệt là những quan điểm ý kiến của chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo. Khó khăn trước hết từ khâu văn bản. Theo nghiên cứu của chúng tôi cho đến khi Miền Bắc giải phóng (1954), tại Thư viện Pasquier, nay là Thư viện Quốc gia Việt Nam ở Hà Nội, trong số các sách tiếng Pháp có liên quan đến tôn giáo được nhập về, chúng tôi cũng không tìm thấy hai cuốn sách quan trọng mà Nguyễn Văn Nguyễn sử dụng. Nói thế để thấy những nỗ lực giới thiệu, dịch thuật của Nguyễn Văn Nguyễn, hay trước đó của Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn An

Ninh, Trần Đình Long, v.v... trong việc “đặt nền móng” tôn giáo học mácxít ở Việt Nam là rất quý báu.

Thứ hai, Nguyễn Văn Nguyễn có ý thức rất rõ về một hạn chế có tính thời đại lúc đó trong việc ứng xử với tôn giáo của những người mácxít là sự chi phối của *khuyh hướng tả khuyh* từ đầu thập kỉ 30 thế kỉ XX. Để góp phần khắc phục điểm yếu này, đến lượt mình Nguyễn Văn Nguyễn lại dựa vào ý kiến của chính các bậc tiền bối như Mác và Ăngghen. Bằng cách rút tía ý kiến cuốn sách *Để hiểu tư tưởng của Mác* của tác giả Henri Lefebvre (mới xuất bản ở Paris 1947), Nguyễn Văn Nguyễn đã bình luận ý kiến quan trọng của Ăngghen từ lâu đã phê bình thái độ nôn nóng tả khuyh trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo qua kinh nghiệm của nhiều nước Tây Âu. Tác giả bình luận: “Engels chế diễu những người cách mạng Pháp muốn dùng mạng lịnh giải quyết vấn đề tôn giáo. Engels viết: Thứ nhất là ở trên giấy, có thể chỉ huy mệnh mông trời biển mà không ai thi hành. Thứ nhì là sự ngược đãi, bức bách là phương thức hay nhất để tăng cường sự tín ngưỡng”⁽⁹⁾.

Là người trong cuộc, hơn thế nữa, không chỉ là chứng nhân mà còn là một trong những người lãnh đạo cách mạng đương đầu trực tiếp với các vấn đề tôn giáo gay gắt ở Nam Bộ, để khắc phục quan điểm tả khuyh vẫn còn in dấu

8. Xem *Nguyễn Văn Nguyễn*, Sdd., tr. 351. Chúng ta có thể đối chiếu đoạn dịch này so với bản dịch của Nguyễn An Ninh trong tác phẩm *Tôn giáo* năm 1938 để thấy sự “bất gặp” của họ. Còn nếu so sánh với bản dịch của chúng ta hiện nay (*Mác-Ăngghen toàn tập*, tập 1, Nxb. CTQG. 1995, trang 350) thì có thể nhận xét rằng, dù câu văn chưa trau chuốt nhưng về cơ bản Nguyễn Văn Nguyễn vẫn đảm bảo được tinh thần của tác phẩm.

9. *Nguyễn Văn Nguyễn*, Sdd., tr. 351.

trong nhiều đảng bộ địa phương ở Nam Bộ. Nguyễn Văn Nguyễn tiếp tục sử dụng biện pháp “lấy ngoài nói trong”. Ông tìm đến những tác phẩm của một tác giả “uy quyền” khác là M. Thorez, Tổng bí thư Đảng Cộng sản Pháp trong những kinh nghiệm ứng xử với Công giáo ở nước này. Nguyễn Văn Nguyễn dừng lại ở những trang viết của Thorez trong cuốn *Cộng sản và Công giáo*, chữ Pháp, Nxb. Xã hội (ông không ghi rõ năm xuất bản). Dưới đây là ý kiến của Ăngghen qua sự dẫn dắt của M. Thorez: “Lịch sử của Công giáo sơ khai có nhiều điểm giống hệt phong trào công nhân hiện kim. Cũng như phong trào công nhân hiện kim, nguyên thủy Công giáo là phong trào của những người bị áp bức: Công giáo, ban sơ là đạo của những người nô lệ, hoặc còn xiềng hoặc thoát xiềng, của những người nghèo khổ, không quyền công dân, của những dân tộc bị La Mã lệ thuộc hoặc phân tâm. Cả hai đều bị truy tố, lùng bắt, những người gia nhập đều bị dày ải, bị xử nặng nề, Công giáo thì bị buộc tội là kẻ thù của nhân thế, công dân thì bị buộc tội là kẻ thù của chánh phủ, của tôn giáo, của gia đình trật tự xã hội. Nhưng mặc dầu sự tàn sát ấy, và có khi nhờ sự tàn sát ấy, cả hai đều vạch đường chiến thắng, không gì ngăn cản nổi”⁽¹⁰⁾.

Ở Mátxcova đầu thập kỷ 30 thế kỷ XX, trước khi về nước, Lê Hồng Phong đã có những nhận xét phê bình nghiêm khắc những nhận thức sai lầm có tính tá khuynh của Xứ ủy Nam Kỳ trong vấn đề tôn giáo, đặc biệt là việc đánh giá thái độ chính trị của cộng đồng những người Công giáo lúc đó. ở đây nữa, Nguyễn Văn Nguyễn lại nỗ lực để tiếp tục khắc phục những nhận thức sai lầm dai dẳng này

khi dựa vào ý kiến của những người mácxít uy quyền nhất.

Riêng trường hợp Xtalin, quả thực là vấn đề tế nhị. Rõ ràng dưới sự lãnh đạo của Xtalin, Quốc tế Cộng sản từ đầu thập kỷ 30 thế kỷ XX đã đi vào *bước ngoặt tá khuynh*, trong đó có vấn đề với tôn giáo. Nguyễn Văn Nguyễn đã khéo léo tìm thấy những ý kiến đúng đắn của Xtalin vào năm 1923 khi Xtalin viết cuốn sách nổi tiếng *Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc* mà tác giả Fedorov dẫn lại. Điều này cũng là cần thiết trong quan hệ ngày càng phức tạp giữa Đảng ta với các Đảng anh em trong các nước xã hội chủ nghĩa.

3.2. Một trong những khó khăn trong nhận thức và trong thực tiễn giải quyết vấn đề tôn giáo ở thời điểm đó đối với Đảng ta là, trong khi chúng ta chịu những áp lực của khuynh hướng tá khuynh luôn coi việc khẳng định “tư tưởng vô thần phải là tư tưởng thống trị xã hội” thì ngược lại trong thực tiễn chúng ta lại không thể không vận dụng lời di huấn của Lênin là không thể thay thế việc tranh luận Thiên Chúa ở trên trời có hay không với việc những người cộng sản phải coi trọng trước hết việc “xây dựng thiên đường trên trái đất”.

Những bài viết của Trường Chinh với chủ đề *Cộng sản và Công giáo* mà chúng tôi đã có dịp phân tích kỹ cho thấy Trường Chinh đã thấm nhuần chỉ dẫn của Lênin khi ông có lẽ là người đầu tiên chỉ ra đặc điểm quan trọng bậc nhất dưới đây của mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị ở nước ta: *phải giải quyết vấn đề tôn giáo trong và dưới vấn đề dân tộc*.

Đến lượt mình, trong tác phẩm *Thái độ của chúng ta đối với tôn giáo*, Nguyễn

10. Nguyễn Văn Nguyễn, Sđd., tr. 353.

Văn Nguyễn đã có cách phân tích thực sâu sắc, làm rõ thêm đặc điểm quan trọng nói trên: “Thực dân Pháp và lũ bù nhìn chó săn đang tuyên truyền về sự khác nhau giữa chủ nghĩa Mác-Lênin và tôn giáo. Chúng làm bộ như thông thạo về chủ nghĩa Mác-Lênin và về tôn giáo. Chúng đưa ra nào là duy vật, duy tâm, nào là hữu thần, vô thần. Mục đích chúng là làm gì? - Chia rẽ để bắt người, lấy của, cướp nước. Nhà Việt Nam bị cướp, nước Việt Nam bị xâm lược, trong lúc đó người Việt Nam bu nhau cãi coi duy vật hay duy tâm đúng, coi vô thần đúng hay hữu thần đúng, thì bọn ăn cướp vui mừng biết chừng nào. Duy vật, duy tâm, vô thần, hữu thần đúng để làm gì đây? Phải cứu nước. Vấn đề là cứu quốc chứ không phải duy vật hay duy tâm, vô thần hay hữu thần. Đó là chủ nghĩa Mác-Lênin ở Việt Nam hiện nay. Chủ nghĩa Mác-Lênin dạy phải đoàn kết chặt chẽ toàn dân để kháng chiến thắng lợi”¹¹.

3.4. Đóng góp tiếp theo của Nguyễn Văn Nguyễn, có ý nghĩa như một hệ luận của những vấn đề trên là, có lẽ ông là một trong những người đầu tiên của Đảng ta đưa ra tổng kết “những sai lầm của một số đồng chí chúng ta” trong nhận thức cũng như ứng xử với các tôn giáo. Điều này thực vô cùng quan trọng. Trước Nguyễn Văn Nguyễn chúng ta đã thấy Trường Chinh có lần đã nhắc đến những sai lầm tả khuynh của một số cán bộ đối với việc phê phán thái quá khi chống “mê tín dị đoan”, dẫn đến việc đòi xóa bỏ nhiều phong tục tập quán lễ hội tín ngưỡng truyền thống ngay sau Cách mạng Tháng Tám (1945) ở Bắc Kỳ.

Với Nguyễn Văn Nguyễn, ông đã có những “tổng kết” có phong cách lí luận về

những sai lầm ấy, ít nhất rút từ thực tiễn công tác tôn giáo ở Nam Bộ. Đặt những nhận định dưới đây của ông trong lịch sử nhận thức về vấn đề tôn giáo của Đảng ta ít nhất từ sau Cách mạng Tháng Tám đến cuối cuộc kháng chiến chống Pháp thì có thể khẳng định rằng những “tổng kết” của Nguyễn Văn Nguyễn về vấn đề này là có giá trị nhất, thậm chí có giá trị lâu dài đến tận ngày hôm nay. Theo ông, những sai lầm khuyết điểm của một bộ phận cán bộ lúc đó trong vấn đề tôn giáo, trước hết vì những hạn chế về nhận thức tư tưởng sau đây:

“a) Cho rằng tôn giáo là một thứ thuốc độc đối với nhân dân. Dựa theo câu nói của Mác: “*tôn giáo là á phiện của nhân dân*” mà không hiểu toàn thể sự nhận định của Mác. Sự nhận định đó như thế này: đối với đế quốc là bọn không tôn trọng tự do tín ngưỡng thì tôn giáo bị chúng lợi dụng thành ra một thứ á phiện để đầu độc nhân dân, chia rẽ, bắt lính, cướp của. Còn đối với Đảng ta, với nhân dân, tôn giáo là sự an ủi nỗi khổ sở của nhân dân nhưng chỉ an ủi mà thôi, không giải quyết nỗi khổ sở đó hay là giải quyết nỗi khổ sở trong biển trầm luân, trong địa ngục trần gian, trong cái “thung lũng đầy nước mắt” này bằng sự hứa hẹn một thế giới khác trên trời. Á phiện là một thứ thuốc độc, nhưng đồng thời cũng là một thứ thuốc an lành để trị bệnh. Trong y học, á phiện là một vị thuốc có thể làm cơ thể đỡ đau. Vì vậy nói rằng tôn giáo là á phiện của nhân dân để bài bác các tôn giáo, có thái độ không đúng đắn chống các tôn giáo tức là trái ngược với tư tưởng của Mác, tức là phản nhân dân”.

11. Nguyễn Văn Nguyễn, Sđd., tr. 349-350.

Đây thật sự là một nhận thức vượt trội của Nguyễn Văn Nguyễn trong lịch sử tư tưởng mácxít về tôn giáo ở nước ta. Càng quý báu hơn khi chúng ta liên hệ rằng, mấy chục năm sau, vào “đêm trước” của sự đổi mới đường lối chính sách tôn giáo của Đảng ta với Nghị quyết 24 nổi tiếng của Bộ Chính trị về tôn giáo (tháng 10/1990), trong nhiều năm các nhà khoa học của chúng ta mới có dịp bàn về thực chất mệnh đề nổi tiếng “tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân” của Mác!

Nguyễn Văn Nguyễn viết tiếp về những thiếu sót trong nhận thức về vấn đề tôn giáo trong Đảng ta lúc đó:

“b) Không nắm vững nguyên tắc căn bản của Đảng và của Chính phủ đối với tất cả các tôn giáo là tuyệt đối tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhân dân. Có thái độ ngạo mạn đối với đạo này, khinh khi đạo khác, thậm chí có khi cho người ta là duy tâm, đem chuyện trên trời để cãi vã làm như ta đây thông thạo lắm, nhưng thật sự là nói tầm bậy để phá rối Mặt trận dân tộc đoàn kết.

c) Lúng túng trong việc phân loại mê tín dị đoan và tôn giáo, muốn dùng mạng lệnh cấm hẳn mê tín dị đoan và các hình thức cúng kiếng. Có nơi cho việc cúng kiếng như là kẻ thù số một, ngang hàng với thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và bù nhìn. Quan điểm như vậy rất sai lầm, khinh thường sự tôn trọng tự do tín ngưỡng. Không ai phân biệt được các hình thức cúng kiếng, thờ phượng tôn giáo, với mê tín dị đoan. Việc thầy pháp, thầy phù, bóng chàng, đồng cốt là thuộc về tín ngưỡng của nhân dân. Ngay trong Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1940 có hai đồng chí thầy pháp bị đày Côn Đảo... Chúng ta phải nắm chặt nguyên tắc tự do

tín ngưỡng. Đồng bào có quyền cúng kiếng, thờ phụng tùy thích. Chúng ta phải làm sao cho nông dân tự giác không tin thầy pháp, thầy phù, chớ không nên dùng mạng lệnh. Ngay Chính phủ Liên Xô cũng chỉ cấm những hình thức cúng kiếng có hại đến sinh mạng người và hại đến thân thể người mà thôi”⁽¹²⁾.

Chúng tôi phải trích dẫn một đoạn dài như vậy vì không thể “tóm tắt” hơn được. Vả lại những dòng chữ này còn in đậm hơi thở của đời sống tôn giáo ở Nam Bộ lúc đó khiến ý nghĩa của những suy tư vượt trội ấy càng có sức lan tỏa.

3.5. Một đóng góp cũng hết sức độc đáo khác của tác phẩm *Thái độ của chúng ta đối với tôn giáo* là, Nguyễn Văn Nguyễn đã góp thêm những lí giải sâu sắc về mối quan hệ đặc biệt giữa đời sống xã hội và tôn giáo ở Nam Bộ.

Về chủ đề này, chúng ta đã từng được biết đến những ý kiến quan trọng của Lê Duẩn trong tác phẩm *Vấn đề nông dân trong cách mạng dân tộc dân chủ*. Lê Duẩn đã có những chỉ dẫn rất giá trị về đặc tính chính trị xã hội của một số tôn giáo quan trọng ở Nam Bộ lúc đó, ngoài Công giáo là những nhận xét sắc sảo của ông về đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, v.v...

Với Nguyễn Văn Nguyễn, ông lại lựa chọn ở góc khác, đó là việc tự đặt ra câu hỏi cũng rất then chốt: “*Tại sao Nam Bộ có rất nhiều tôn giáo?*” Ông xem đây như vấn đề cuối cùng của tác phẩm này. Điểm dễ thấy là tác giả tiếp cận vấn đề từ góc độ kinh tế - xã hội, kết hợp với phương pháp xã hội học tôn giáo (đặc biệt là địa tôn giáo), những phương pháp nghiên cứu

12. Nguyễn Văn Nguyễn, Sđd., tr. 353-354.

còn mới lạ ở nước ta lúc đó, ngay với những nhà nghiên cứu chuyên nghiệp.

Tác giả đã trả lời câu hỏi trên theo logic sau đây:

Thứ nhất, “vì Nam Bộ ruộng đất tập trung nhiều trong tay nhà băng Đông Dương và các địa chủ, nhất là bọn Pháp, nông dân đã phân tán ra mỗi người có một miếng đất nhỏ, manh mún...”. Khi bị mất đất, trở nên “thất nghiệp kinh niên, lơ quơ lơ chơ” thì trong tình trạng đó “tinh cảm tôn giáo cũng dễ bộc lộ” (tác giả dẫn ý của Ăngghen trong cuốn *Chống Duyring*).

Thứ hai, tác giả phân tích toàn diện hơn sự bế tắc trong việc phân hóa giai cấp xã hội ở Nam Bộ, và cho rằng đó là nguyên nhân cơ bản nhất để ra tình trạng “lắm tôn giáo” ở xứ này. Bản thân sự phân tích ấy không phải là mới mẻ, nhưng nó rất cuốn hút người đọc bởi những dẫn liệu xã hội học sinh động, có ý nghĩa tiêu biểu mà tác giả nêu ra.

Chẳng hạn ông có nhận xét rằng: “Chế độ phong kiến ở Nam Bộ lung lay dữ tợn hơn là ở Trung - Bắc. Nhưng lung lay mà vẫn ở một chỗ không tiến lên được theo sự tiến triển tự nhiên của nó tức là con đường tư sản hóa. Mỗi khi một địa chủ nào lia bỏ đất để ra thành thị kinh doanh thì thực dân Pháp tìm cách hất trở lại về đất đai... Ta có thể so sánh địa chủ và tư sản ở Nam Bộ như tầm và nhộng. Con nhộng đáng lí phải thành ra con bướm tầm, cần ổ kén bay đi. Thực dân Pháp ngắt cánh bắt nhốt trở lại trong ổ kén, thành ra kiếp tầm vẫn là nhộng mãi...”

Chúng ta cũng biết rằng trong việc hình thành các tôn giáo mới ở Nam Bộ nửa đầu thế kỉ XX, nhất là trường hợp

đạo Cao Đài (1926) có vai trò rất lớn của tầng lớp viên chức trung cao cấp, điển chủ... ở Nam Bộ. Phân tích tâm lí giới xã hội này, Nguyễn Văn Nguyễn có cái nhìn rất tinh tế: “thế giới này đối với họ là một thế gian vô tâm hồn, vô trí não. Nhà lầu ô tô không thỏa mãn họ. Họ sống với ô tô nhà lầu như Trang Tử sống ở xã hội nô lệ, mơ mộng lại xã hội trước... Trang Tử tưởng tượng con người sống hạnh phúc thanh thoi như con bướm, tối ngày chỉ bay hút mật rộn với hoa chớ khỏi làm gì cả... Những phần tử tư sản như huyện Thơ, như bà huyện Xây, mơ mộng Từ Hàng Đạo Nhơn, Cửu Thiên Huyền Nữ. Biến ra tôn giáo, có chức sắc thiên phong thì chính bản thân của mấy người ấy không biết học là Từ Hàng Đạo Nhơn, Cửu Thiên Huyền Nữ, hay là ông huyện Thơ và bà huyện Xây. Mà Từ Hàng Đạo Nhơn, Cửu Thiên Huyền Nữ là ai? Là những nhân vật trong truyện Trung Hoa xưa, nhất là truyện Phong Thần”.

Rõ ràng, lối phân tích độc đáo, hoa mĩ của Nguyễn Văn Nguyễn đã góp những cứ liệu có tính tôn giáo học để chúng ta có thể tái khẳng định rằng trong việc hình thành các *tôn giáo tích hợp* (syncritisme) như đạo Cao Đài, Đạo giáo và âm hưởng của “truyện Tàu” có vị trí quan trọng như thế nào.

Nguyễn Văn Nguyễn cũng đẩy thêm mạch logic này khi ông cho rằng: “tư sản địa chủ Nam Bộ bị kiềm hãm không phát triển, bị bất lực trước tình trạng áp bức của thực dân Pháp, đâm ra mơ mộng thoát li trần gian, để sống ở trần gian. Bản thân giai cấp của họ buộc họ mơ mộng một trật tự khác, cũ kĩ hơn. Tức là chế độ phong kiến lúc còn hưng thời, trong đó giai cấp phong kiến tư sản được

đóng địa vị rực rỡ. Ý nguyện đó phản chiếu trong tôn giáo thành ra những Từ Hàng Đạo Nhơn, Cửu Thiên Huyền Nữ, Lưu Kim Đỉnh... tức là một trật tự xã hội thần tiên, Phật, Thánh, bu chung quanh một đấng cao cả, tượng trưng cho ông vua⁽¹³⁾.

Thứ ba, nhưng có lẽ lực lượng xã hội có quan hệ nhất với vấn đề “nhiều tôn giáo ở Nam Bộ” mà tác giả quan tâm nhất là nông dân. Chúng ta đều biết rằng đây là lực lượng xã hội trọng yếu, là động lực quan trọng cho việc nảy sinh các phong trào tôn giáo ở Nam Bộ như đánh giá nhận định của nhiều người.

Phân tích của Nguyễn Văn Nguyễn với vấn đề nông dân ở Nam Bộ trong quan hệ với các hiện tượng tôn giáo cũng có nét độc đáo ở chỗ, ông thực sự dựa vào những phân tích kinh điển của những nhà sáng lập chủ nghĩa Mác-Lênin làm cơ sở lý thuyết. Dựa vào câu nói nổi tiếng của Mác theo chính cách dịch của ông *“tôn giáo là tâm hồn của một thế gian không tâm hồn, trí não của một thế gian không trí não”*, tôn giáo đã đem lại cho nông dân “mang máng những cái đẹp, mang máng cái tâm hồn, mang máng cái trí não, để có thể rên rỉ chịu đựng sự áp bức bóc lột”. Ông cũng phân tích đặc điểm tâm lý văn hóa của những người nông dân “đi mở cõi” ở phương Nam, nơi mà không gian tâm linh luôn có một khoảng trống vô tận, khiến họ rất dễ tìm đến, “thuộc về” một tôn giáo nào đó: “Nói tóm lại, mỗi tôn giáo ở Nam Bộ đều là biểu hiện những nguyện vọng sâu xa của nông dân về chánh trị, về xã hội. Đồng thời cũng là biểu hiện một phần văn hóa của nông dân”.

3.6. Đóng góp cuối cùng của tác phẩm này, dĩ nhiên là việc tác giả phải tự trả

lời câu hỏi quan trọng nhất mà mình đặt ra trong tác phẩm *“cho nên thái độ của chúng ta với vấn đề tôn giáo phải thế nào?”*

Nguyễn Văn Nguyễn khép lại tác phẩm của mình với những suy tư, những kết luận có giá trị như “những giải pháp”, một từ mà ngày hôm nay chúng ta dùng quá quen thuộc. Ba kết luận dưới đây của ông vừa có ý nghĩa nguyên tắc tư tưởng, triết lý và đặc biệt có ý nghĩa thực tiễn với việc Đảng ta đang tiếp tục nỗ lực giải quyết vấn đề tôn giáo ít nhất ở Nam Bộ lúc đó:

“1) Nắm chặt nguyên tắc tôn trọng tuyệt đối tự do tín ngưỡng. Thực hiện nguyên tắc này một cách đúng đắn về phương diện chính quyền. Về cách đối xử thì đồng chí chúng ta, đảng viên Đảng Lao động phải luôn luôn tôn kính điều gì nhân dân tôn kính...”

2) Thực hiện đúng đắn sự đoàn kết giữa lương-giáo, giữa các tôn giáo ở xã. Đả phá tư tưởng “lợi dụng”... Mặt trận dân tộc đoàn kết của ta là việc quang minh chính đại. Chúng ta không lợi dụng ai hết. Nói lợi dụng là sai. Phải biết cách đối nhân xử thế với đồng bào các tôn giáo.

3) Nói viết làm sao cho tín đồ mỗi tôn giáo hiểu được, sáng tác làm sao cho đồng bào mỗi tôn giáo có thể hiểu được, thích được. Trước hết đa số đồng bào các tôn giáo là nông dân. Thì cách nói cách viết của chúng ta cũng chung như nói và viết với toàn dân. Điều cần chú ý là mỗi đạo có giáo lý riêng. Tinh túy của giáo lý đó luôn luôn đứng về phía chánh nghĩa... Về văn nghệ thì không quên rằng đồng bào

13. Nguyễn Văn Nguyễn, Sđd., tr. 355-356. Những đoạn trích trong điểm a) đều dẫn từ đây.

nông dân chúng ta đi tìm cái đẹp huyền ảo của tôn giáo để tránh cái xấu xa ghê tởm của trần gian. Âm nhạc, hội họa, sách của chúng ta phải kết hợp với cảm quan của đồng bào các tôn giáo...”

Nguyễn Văn Nguyễn kết thúc tác phẩm bằng những dòng chữ khẳng định niềm tin tuyệt đối của mình đối với chủ nghĩa Mác-Lênin, với cương lĩnh của Đảng Lao động Việt Nam, khi Đảng ta vừa ra công khai ở chiến khu Việt Bắc một năm trước (1951): “Đối với tôn giáo, chủ nghĩa Mác-Lênin có thái độ chung thủy: là tuyệt đối tôn trọng tự do tín ngưỡng. Chỉ có trên nguyên tắc chung thủy tôn trọng tự do tín ngưỡng mới có thể đoàn kết vĩnh viễn các tôn giáo trong mặt trận dân tộc thống nhất, đả phá âm mưu dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”⁽¹⁴⁾.

III. VÀI KẾT LUẬN

1. Trong lịch sử nhận thức của Đảng ta về vấn đề tôn giáo kể từ khi thành lập Đảng đến nay cần có một vị trí xứng đáng cho tác phẩm độc đáo của Nguyễn Văn Nguyễn, cuốn sách *Thái độ của chúng ta đối với tôn giáo*. Đây là một trong những tác phẩm đầu tiên trình bày những “nhận thức mới” về những di sản lí luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo, đặc biệt với mệnh đề quan trọng “tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”.

2. Mặc dù chỉ là một cuốn sách mỏng mấy chục trang, tác phẩm của Nguyễn Văn Nguyễn là một trong những tác phẩm đầu tiên trình bày tóm lược nhưng rất cơ bản về những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo, những kinh nghiệm xây dựng mô hình nhà nước thể tục vô thần mácxít của Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa anh em lúc đó, cũng như một số vấn đề cơ bản về tôn giáo trong thời kì Chiến tranh lạnh, như những thử thách với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế lúc đó.

3. Tác phẩm của Nguyễn Văn Nguyễn cũng là một trong những tác phẩm đầu tiên có sức khái quát tổng kết những thành tựu và những hạn chế, đặc biệt là những hạn chế nhận thức có tính tả khuynh trong vấn đề tôn giáo trong nội bộ Đảng ta kể từ sau Cách mạng Tháng Tám (1945), đặc biệt qua thực tiễn đời sống tôn giáo ở Nam Bộ. Mặt khác tác phẩm cũng gợi ra những giải pháp, thái độ ứng xử cần thiết (nhưng nói cho cùng có ý nghĩa lâu dài) của Đảng, Nhà nước và đồng bào không có tôn giáo đối với cộng đồng các tôn giáo, trong đó khẳng định “nguyên tắc chung thủy tôn trọng tự do tín ngưỡng để đoàn kết vĩnh viễn các tôn giáo” trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc và sự sáng tạo trong việc đổi mới hoàn thiện những chính sách tôn giáo cụ thể./

14. Nguyễn Văn Nguyễn, Sdd., tr. 360.